

# TỤC NGỮ VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

## I – BÀI TẬP

1. Câu hỏi 1, sách giáo khoa, trang 119.

2. Phân tích đặc điểm nghệ thuật của các câu tục ngữ 1, 3, 4, 5, 12. (Gợi ý : chú ý đến cách hiệp vần, các hình thức đối xứng, cách sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ).

3. Hãy đọc lại câu tục ngữ số 5 trong sách giáo khoa và nhận xét xem về mặt hình thức, câu đó khác những câu khác như thế nào.

4. Qua hai câu tục ngữ 7, 8, tác giả dân gian muốn đề cao lối sống nào của người Việt Nam ? Hãy tìm thêm một số câu tục ngữ khác để minh chứng cho lối sống đó.

5. Những câu tục ngữ 5, 9, 10, 11 khái quát tình cảm đạo đức gì của người dân Việt Nam ? Hãy tìm thêm những câu tục ngữ tương tự nói về tình cảm đạo đức đó.

## II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Nghĩa của từ và nhóm từ :

Trong câu 1, *hàm nhai* là động tác của miệng khi ăn, ở đây chỉ người có cái ăn. *Miệng trễ* : miệng để không, chỉ người không có gì để ăn. Ý nghĩa cả câu là : phải lao động chăm chỉ mới có cái mà ăn.

Trong câu 4, *giọt máu đào* (đào : đỏ). *Máu đào* chỉ quan hệ giữa những người cùng huyết thống, dòng máu (gia đình, dòng họ). *Nước lã* ở đây là cụm từ dùng để chỉ người ngoài, người dung, không cùng huyết thống. *Một giọt* và *một ao* là sự so sánh tuyệt đối, ngược chiều giữa chất và lượng. *Một giọt* máu hơn *một ao* nước. Sự so sánh này nhằm nhấn mạnh quan hệ thắm thiết, quan trọng giữa những người cùng dòng họ.

Trong câu 12, "trời" có thể hiểu là một sức mạnh siêu nhiên điều hành các mối quan hệ ứng xử của con người. Người nào rộng rãi (xởi lởi) thì gặp nhiều may mắn, người nào tính toán ích kỉ (so đo) thì gặp nhiều khó khăn, trắc trở. Ý cả câu : cư xử rộng rãi thì được đối đãi lại cũng rộng rãi ; cư xử hẹp hòi, tính toán thì cũng bị người khác cư xử lại như vậy.

## 2. Phân tích đặc điểm nghệ thuật của các câu tục ngữ số 1, 3, 4, 5, 12.

Các câu tục ngữ trên có những cách diễn đạt khác nhau, nhằm thể hiện những nội dung khác nhau, nhưng nhìn chung đều sử dụng ba thủ pháp nghệ thuật chính.

### a) Thủ pháp tạo các hình thức đối xứng

Chủ yếu theo hai loại :

– *Đối xứng giữa các vế*

+ Câu 4, câu 12 đều có hai vế đặt trong tương quan so sánh và đối xứng với nhau.

+ Câu 5 cũng có tính chất đối xứng nhưng lại đặt trong một câu lục bát.

– *Đối xứng trong nội bộ một vế* : câu 1, câu 12.

Vế 1 trong câu 1 có hình thức đối xứng nội bộ (*tay làm / hàm nhai*). Câu 12 đối xứng qua từ "trời" (*Xởi lời / trời / cõi cho - So đo / trời / co lại*).

### b) Thủ pháp hiệp vần

Tục ngữ là những lời nói có vần điệu. Cách hiệp vần của tục ngữ khá đa dạng : giữa các vế, giữa hai ý nhỏ của cùng một vế có vần với nhau. Phần lớn tục ngữ sử dụng vần lưng, có thể vần liền ("*Tay làm / hàm nhai*"), hoặc vần cách một từ ("*Làm ruộng ăn cơm nằm / chăn / tằm ăn cơm đứng*" ; "*Một giọt máu đào / hơn / ao nước lã*"), hoặc cách 2, 3, 4,... từ ("*Vàng thì thử lửa, thử than / chuông kêu thử tiếng, người / ngoan thử lời*"),...

### c) Thủ pháp sử dụng tu từ

Tục ngữ là những câu nói dân gian giàu hình ảnh. Các thủ pháp tu từ mà tục ngữ sử dụng phổ biến là so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ,... Các thủ pháp đó được xây dựng trên cơ sở những mối quan hệ qua lại giữa các sự vật, hiện tượng. Trong câu 3 : "*Kiến tha lâu*" là ẩn dụ về người chăm chỉ, cần mẫn ; ở câu 4 : "*Giọt máu đào*" là ẩn dụ về quan hệ ruột thịt, "*nước lã*" là ẩn dụ về quan hệ người dung...

3. Về mặt hình thức, ta có thể thấy câu 5 là câu có số chữ nhiều hơn các câu khác. Câu này nếu ngắt thành hai dòng sẽ là một câu lục bát với sự hiệp vần rất chuẩn : chữ cuối của câu lục (câu 6) vần với chữ thứ sáu của câu bát (câu 8). Những câu tục ngữ loại này có hình thức và đôi khi cả nội dung rất gần với ca dao.

4. Qua hai câu tục ngữ 7, 8, tác giả dân gian đề cao lối sống trọng nội dung hơn hình thức, trọng phẩm chất đạo đức, danh tiếng tốt hơn trọng vẻ ngoài.

Trong câu 7, hai từ "hay" trong *nói hay* và *hay nói* là từ đồng âm khác nghĩa. *Nói hay* là nói hấp dẫn, lời nói có nội dung ; còn *hay nói* là nói nhiều, chỉ có số lượng câu nói mà không có nội dung hoặc nội dung không đáng kể. Hai từ đồng âm khác nghĩa đó nhằm chỉ sự so sánh ngược chiều giữa *chất* và *lượng* của lời nói.

Ở câu số 8, tác giả dân gian so sánh giữa "tốt danh" (có danh tiếng tốt) với "lành áo" (áo tốt, hình thức tốt). Hai vế của câu được nối với từ so sánh "hơn" đã chỉ rõ sự lựa chọn của tác giả dân gian.

Một số câu tục ngữ tương tự thể hiện lối sống trên :

– *Chết trong hơn sống đục.*

– *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.*

*Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.*

...

5. Các câu tục ngữ 5, 9, 10, 11 khái quát tình cảm nhân hậu, yêu thương con người, trọng tình trọng nghĩa của người Việt Nam.

Câu 5 : đề cao tình cảm gia đình, làng xóm, rộng hơn là tình cảm giữa con người với con người. Tình cảm đó không câu nệ giàu nghèo.

Câu 9 : cũng đề cao tình cảm đối với con người nhưng khái quát tình cảm đó qua hai đối tượng cụ thể là "trẻ" và "già". Câu này đề cao truyền thống "kính già, yêu trẻ" của người Việt Nam.

Câu 10 : mượn hình ảnh những con ngựa trong cùng một tàu ngựa để nhấn mạnh tình cảm con người sống với nhau trong một cộng đồng, làng xóm. Nếu một người trong cộng đồng gặp khó khăn, hoạn nạn thì những người khác cũng không thể vui được.

Câu 11 : đã có tình cảm, tình nghĩa với nhau thì một ngày gặp nhau, một chuyến đi chung cũng trở nên tình nghĩa, đâu cần phải nhiều thời gian. Đó chính là biểu hiện lối sống coi trọng tình nghĩa của người Việt Nam.

Có thể nêu một số câu tục ngữ tương tự :

– *Nhà có lán giếng nhà, đồng có lán giếng đồng.*

– *Bán anh em xa, mua lán giếng gần.*

...